TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2025/HNST
Ngày: 15 - 8 - 2025
V/v: "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Hoàng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thu Thảo
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên toà.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2025/HNST ngày 17 tháng 3 năm 2025 về: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 296/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phùng Thị Cẩm T, sinh năm 1987
Thường trú: B14/23H/9D, ấp B, xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là xã T, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Vũ Hoài Â, sinh năm 1984
Thường trú: Số H Y, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phùng Thị Cẩm T trình bày:

Bà và ông Nguyễn Vũ Hoài Â tự nguyện chung sống, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 109/2012, quyển số 01/2012 cấp tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/7/2012

Trong thời gian chung sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất hoà. Vợ chồng đã sống ly thân 02 năm. Nay nhận

thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể sống với nhau được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vũ Hoài Â.

Bị đơn ông Nguyễn Vũ Hoài Â trình bày:

Về quá trình chung sống, kết hôn mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời trình bày của bà T. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình vợ. Trong quá trình chung sống vợ chồng cũng có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Đến năm 2022, ông về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nhưng do ông theo đạo thiên chúa nên bà T yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Hai bên xác nhận không có.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Tại phiên tòa: Bà T và ông Â có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2012, quyển số 01/2012 ngày 13/7/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị Cẩm T và ông Nguyễn Vũ Hoài Â là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Ông Nguyễn Vũ Hoài Â có nơi cư trú tại quận T. Toà án nhân dân quận Tân Phú (nay là Tòa án nhân dân khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bà Phùng Thị Cẩm T và ông Nguyễn Vũ Hoài Â có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

3. Về yêu cầu của đương sự:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xét bà Phùng Thị Cẩm T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Vũ Hoài Â.

Theo lời trình bày của bà T và ông Â thì quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Â không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, ông Â không đồng ý ly hôn vì ông là người theo đạo. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà T và ông Â đã trầm trọng, lý do ông Â không đồng

ý ly hôn là không có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- *Về quan hệ con chung:* Hai bên xác nhận không có.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Hai bên xác nhận không có.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà Phùng Thị Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

- Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phùng Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phùng Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Vũ Hoài Â. Quan hệ hôn nhân của bà Phùng Thị Cẩm T và ông Nguyễn Vũ Hoài Â theo Giấy chứng nhận kết hôn số 109/2012, quyển số 01/2012 ngày 13/7/2012 do Ủy ban nhân dân phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường P, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung; tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông Â xác định không có.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Phùng Thị Cẩm T chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà T đã nộp theo Biên lai thu số 0045969 ngày 12/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[3] Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9, TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (V)./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Viết Hoàng Lâm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- VKSND khu vực 9, TP . HCM;
- Cục THADS TP . HCM;
- Cơ quan thực hiện việc

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ (Vi)./.

Lê Viết Hoàng Lâm